

BẢN SAO

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC THANH HÓA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4 - 5
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cấp Nước Thanh Hóa (sau đây được viết tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình, kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, như sau:

1. Khái quát chung về Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa

Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc UBND tỉnh Thanh Hoá theo Quyết định số 2039/QĐ-CT ngày 29/7/2005 của UBND tỉnh Thanh Hoá; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2604000004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp lần đầu ngày 03/10/2005 và cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 04/7/2006.

Trụ sở Công ty tại: 99 Đường Mật Sơn - phường Đông Vệ - thành phố Thanh Hoá - tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 0373 852 966

Fax: 0373 856 648

Các đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh sản xuất nước thành phố Thanh Hóa;
- Chi nhánh cấp nước số 1 thành phố Thanh Hóa;
- Chi nhánh cấp nước số 2 thành phố Thanh Hóa;
- Chi nhánh Xây lắp;
- Chi nhánh tư vấn nước và môi trường;
- Chi nhánh đồng hồ nước;
- Chi nhánh cấp nước Sầm Sơn;
- Chi nhánh cấp nước Bim Sơn;
- Chi nhánh cấp nước Đông Sơn;
- Chi nhánh cấp nước Hoằng Hóa;
- Chi nhánh cấp nước Quảng Xương;
- Chi nhánh cấp nước Tĩnh Gia;
- Chi nhánh cấp nước Cẩm Thủy;
- Chi nhánh cấp nước Ngọc Lặc;
- Chi nhánh cấp nước Triệu Sơn;
- Chi nhánh cấp nước Nông Cống;
- Chi nhánh nước uống tinh khiết;
- Chi nhánh khách sạn Sông Mã.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

2. Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch, tư vấn và đầu tư, xây dựng các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường;
- Tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chia khoá trao tay;
- Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị công nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi quy mô vừa và nhỏ;
- Thiết kế, chế tạo, sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, vật tư thiết bị công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật chuyên ngành cấp thoát nước; liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực hoạt động của công ty;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ, du lịch, khách sạn.

3. Ban Lãnh đạo Công ty

Chủ tịch Công ty

Ông Nguyễn Văn Mạnh

Chủ tịch.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành trong năm tài chính 2012 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Mạnh

Tổng Giám đốc;

Ông Nguyễn Ngọc Cẩn

Phó Tổng Giám đốc;

Ông Nguyễn Huy Nhân

Phó Tổng Giám đốc.

Kế toán trưởng Công ty

Ông Hồ Chí Trung

Kế toán trưởng.

4. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 06 đến trang 21 kèm theo.

5. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán HDT Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

6. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- ✓ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ✓ Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ✓ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- ✓ Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán HDT Việt Nam.

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 3 năm 2013

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Cần



HDT Audit Co., Ltd

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HDT VIỆT NAM

VIETNAM HDT AUDITING COMPANY LIMITED

Tel: (84-4) 35 666 390/391 - Fax: (84-4) 35 666 381 - Website: www.hdt-audit.com.vn
Trụ sở: Số 186 phố Nguyễn Cảnh Dị, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Số: 130104/BCKT-HDT

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012

của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Thanh Hóa

Kính gửi: TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC THANH HÓA

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa (sau đây được viết tắt là "Công ty"), trình bày từ trang 06 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện cuộc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá tính tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng; các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý cho những ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2012 vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm kiểm toán; một số khoản công nợ phải thu và công nợ phải trả chưa được đối chiếu xác nhận số dư với các đối tượng có liên quan. Với tài liệu hiện có và bằng những thủ tục kiểm toán bổ sung khác, chúng tôi chưa thể khẳng định về tính hiện hữu của các khoản mục này trong báo cáo tài chính của Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên (tiếp theo)

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính vì lý do nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Thanh Hoá tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HDT VIỆT NAM

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hué

Chứng chỉ KTV số: 0756/KTV

Kiểm toán viên

Lê Thảo Quyên

Chứng chỉ KTV số: 2010/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 Đồng	01/01/2012 Đồng
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		59.160.026.261	56.692.835.027
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.194.103.078	2.149.187.728
1. Tiền	111	V.1	1.203.103.078	2.149.187.728
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.991.000.000	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	5.700.320.000	6.431.285.532
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.700.320.000	6.431.285.532
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.670.613.795	24.738.134.150
1. Phải thu khách hàng	131		17.764.267.266	18.825.514.256
2. Trả trước cho người bán	132		287.158.674	1.131.244.417
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	2.799.367.547	4.781.375.477
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(180.179.692)	0
IV. Hàng tồn kho	140		22.956.077.465	21.361.479.423
1. Hàng tồn kho	141	V.4	22.956.077.465	21.361.479.423
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.638.911.923	2.012.748.194
3. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	0	45.212.261
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.638.911.923	1.967.535.933
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		319.435.480.004	225.832.662.129
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		315.345.490.971	217.378.494.178
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	311.336.798.673	200.154.606.332
<i>Nguyên giá</i>	222		423.844.076.991	297.005.308.820
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(112.507.278.318)	(96.850.702.488)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	44.622.308	111.306.620
<i>Nguyên giá</i>	228		333.421.550	333.421.550
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(288.799.242)	(222.114.930)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	3.964.069.990	17.112.581.226
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.089.989.033	8.454.167.951
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	4.089.989.033	8.454.167.951
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		378.595.506.265	282.525.497.156

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

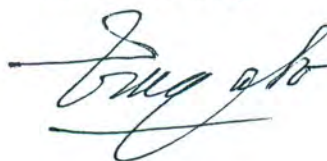
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			Đồng	Đồng
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		162.757.786.314	88.033.902.805
I. Nợ ngắn hạn	310		28.725.982.399	35.814.395.356
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	0	4.205.462.223
2. Phải trả người bán	312		2.477.527.086	2.592.424.284
3. Người mua trả tiền trước	313		2.082.449.150	5.032.711.668
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.198.414.998	818.416.017
5. Phải trả người lao động	315		1.051.560.339	83.033.090
6. Chi phí phải trả	316	V.17	2.761.115.678	2.981.394.794
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	17.704.568.641	18.916.586.202
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.450.346.507	1.184.367.078
II. Nợ dài hạn	330		134.031.803.915	52.219.507.449
4. Vay và nợ dài hạn	334		134.031.803.915	50.942.312.549
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	1.277.194.900
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		215.837.719.951	194.491.594.351
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	215.837.719.951	194.491.594.351
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		209.566.176.819	188.978.872.219
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.131.661.990	3.787.840.990
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.139.881.142	1.724.881.142
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		378.595.506.265	282.525.497.156

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Hồ Chí Trung



Nguyễn Ngọc Càn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

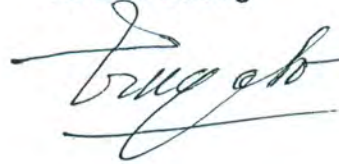
Năm 2012

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 Đồng	Năm 2011 Đồng
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	120.974.530.794	112.876.549.820
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	291.231.554	81.788.764
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	120.683.299.240	112.794.761.056
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	87.853.543.955	84.161.418.396
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.829.755.285	28.633.342.660
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	1.592.339.825	1.092.793.060
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	3.901.304.631	4.650.511.332
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.236.088.733	4.650.511.332
8. Chi phí bán hàng	24		11.838.721.824	7.895.438.966
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.131.007.994	11.497.525.236
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.551.060.661	5.682.660.186
11. Thu nhập khác	31		1.358.143.789	222.312.791
12. Chi phí khác	32		79.719.832	239.327
13. Lợi nhuận khác	40		1.278.423.957	222.073.464
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.829.484.618	5.904.733.650
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	1.707.371.110	1.476.183.412
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.122.113.508	4.428.550.238

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Hồ Chí Trung

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Cẩn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

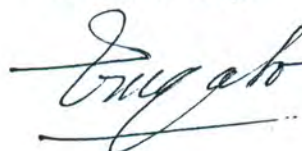
Năm 2012

TT	Chi tiêu	Mã số	Năm 2012 Đồng	Năm 2011 Đồng
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	121.694.217.818	111.013.181.737
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(61.716.123.510)	(35.054.523.801)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(36.019.201.500)	(28.518.969.100)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	(4.121.043.074)	(4.778.223.910)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.467.346.615)	(1.150.507.821)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	16.782.156.772	8.447.344.974
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(17.375.754.962)	(43.646.284.266)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.776.904.929	6.312.017.813
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21	(87.016.088.554)	(5.014.149.260)
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(28.588.272.500)	(23.615.656.505)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	24.988.342.332	24.736.546.672
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	0	990.617.361
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(90.616.018.722)	(2.902.641.732)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	95.806.551.064	11.004.779.312
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.922.521.921)	(15.240.145.029)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	78.884.029.143	(4.235.365.717)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.044.915.350	(825.989.636)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.149.187.728	2.975.177.364
	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>		0	0
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.194.103.078	2.149.187.728

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 3 năm 2013

Lập biểu

Kế toán trưởng



Hồ Chí Trung

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Càn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc UBND tỉnh Thanh Hoá theo Quyết định số 2039/QĐ-CT ngày 29/7/2005 của UBND tỉnh Thanh Hoá.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2604000004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp lần đầu ngày 03/10/2005 và cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 04/7/2006.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 99 Mật Sơn - phường Đông Vệ - Tp. Thanh Hoá - tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 0373 852 966

Fax: 0373 856 648

1. Hình thức sở hữu vốn

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên Nhà nước.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2604000004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp lần đầu ngày 03/10/2005 và cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 04/7/2006, vốn đầu tư đăng ký là: **147.234.837.208** đồng (**Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bảy tỷ hai trăm ba tư triệu tám trăm ba bảy nghìn hai trăm lẻ tám đồng**).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch, tư vấn và đầu tư, xây dựng các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường;
- Tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chìa khoá trao tay;
- Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị công nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi quy mô vừa và nhỏ;
- Thiết kế, chế tạo, sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, vật tư thiết bị công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật chuyên ngành cấp thoát nước; liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực hoạt động của công ty;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ, du lịch, khách sạn.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Các khoản tiền và tương đương tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền, tiền đang chuyển đảm bảo đã được kiểm kê đầy đủ.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra Đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các khoản chi phí: Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ; Công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều kỳ kế toán, thời gian phân bổ không quá 2 năm;

Đối với giá trị lợi thế thương mại của Công ty phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp tiến hành phân bổ trong 03 năm;

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: Ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả; các khoản chi phí phải trả nhà thầu phụ của các hợp đồng đã ghi nhận doanh thu nhưng Công ty chưa thực hiện việc quyết toán đối với các nhà thầu phụ cho các hợp đồng này.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của Công ty sau khi trừ chi phí thuế TNDN (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Việc xác định Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, việc xác định số thuế sau cùng về Thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện hạch toán và kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Tiền mặt tại quỹ	163.692.801	1.210.937.435
Tiền gửi ngân hàng (*)	1.039.410.277	938.250.293
Các khoản tương đương tiền (**)	6.991.000.000	0
Tổng	8.194.103.078	2.149.187.728

(* Chi tiết tiền gửi Ngân hàng

	31/12/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thanh Hoá	63.773.915	62.761.912
Ngân hàng TMCP Công thương Bím Sơn	44.999.243	157.713.665
Ngân hàng TMCP Công thương Sầm Sơn	246.378.157	39.041.601
Ngân hàng TMCP Công thương Thanh Hoá	416.688.320	469.860.688
Ngân hàng TMCP Công thương Tĩnh Gia	227.009.928	208.872.427
Ngân hàng TMCP Công thương Triệu Sơn	40.560.714	0
Tổng	1.039.410.277	938.250.293

(**) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2012 là các khoản gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Công thương Thanh Hóa có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Tiền gửi ngân hàng công thương Thanh hóa (*)	5.700.320.000	6.431.285.532
Tổng	5.700.320.000	6.431.285.532

(*) Số dư tiền gửi Ngân hàng Công thương Thanh Hóa tại ngày 31/12/2012 là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 3 tháng trở lên.

3. Phải thu khác

	31/12/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Phải thu chi nhánh	2.692.708.637	0
Phải thu Bảo hiểm xã hội	43.308.910	47.231.248
Phải thu khác	63.350.000	4.734.144.229
Tổng	2.799.367.547	4.781.375.477

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Nguyên liệu, vật liệu	17.624.916.060	14.258.455.069
Công cụ, dụng cụ	664.565.249	743.140.774
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.657.955.835	6.299.057.435
Thành phẩm	8.640.321	60.826.145
Tổng	22.956.077.465	21.361.479.423

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước

	31/12/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Thuế GTGT còn được khấu trừ	0	45.212.261
Tổng	0	45.212.261

8. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Đơn vị tính: Đồng

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	120.006.239.216	20.392.865.009	154.649.236.412	1.956.968.183	297.005.308.820
Tăng do XDCB hoàn thành	38.574.951.384	27.032.602.581	61.469.112.194	264.600.907	127.341.267.066
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	31.761.905	31.761.905
Giảm khác	317.415.918	9.164.250	144.156.822	0	470.736.990
Tại ngày 31/12/2012	158.263.774.682	47.416.303.340	215.974.191.784	2.189.807.185	423.844.076.991
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	33.730.771.679	10.784.956.936	51.280.674.076	1.054.299.797	96.850.702.488
Khấu hao trong năm	5.375.026.321	2.364.536.105	7.660.715.584	288.059.725	15.688.337.735
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	31.761.905	31.761.905
Tại ngày 31/12/2012	39.105.798.000	13.149.493.041	58.941.389.660	1.310.597.617	112.507.278.318
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	86.275.467.537	9.607.908.073	103.368.562.336	902.668.386	200.154.606.332
Tại ngày 31/12/2012	119.157.976.682	34.266.810.299	157.032.802.124	879.209.568	311.336.798.673

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

Đơn vị tính: Đồng			
KHOẢN MỤC	Phần mềm máy tính	Lợi thế thương mại	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	274.753.550	58.668.000	333.421.550
Tăng trong năm	0	0	0
Giảm trong năm	0	0	0
Tại ngày 31/12/2012	274.753.550	58.668.000	333.421.550
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	179.091.738	43.023.192	222.114.930
Khấu hao trong năm	54.950.712	11.733.600	66.684.312
Giảm khác	0	0	0
Tại ngày 31/12/2012	234.042.450	54.756.792	288.799.242
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2012	95.661.812	15.644.808	111.306.620
Tại ngày 31/12/2012	40.711.100	3.911.208	44.622.308

11. Chi phí XDCB dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Mua sắm tài sản cố định	247.960.544	0
Xây dựng cơ bản dở dang (*)	3.716.109.446	17.112.581.226
Tổng	3.964.069.990	17.112.581.226

(*) Chi tiết các công trình XDCB dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Nâng công suất Nhà máy nước Mặt Sơn	3.312.459.357	16.920.590.317
Nâng công suất Nhà máy nước Quảng Xương	119.530.909	119.530.909
Hệ thống cấp nước Rừng thông huyện Đông Sơn	127.869.105	0
Hệ thống cấp nước xã Hà Lan - Thị xã Bỉm Sơn	83.790.075	0
Các công trình khác	72.460.000	72.460.000
Tổng	3.716.109.446	17.112.581.226

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Công cụ - dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	4.089.989.033	8.454.167.951
Tổng	4.089.989.033	8.454.167.951

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Công ty vay NH Công Thương Thanh Hoá	0	3.024.314.223
Chi nhánh XLCT vay NH Công Thương Thanh Hoá	0	1.181.148.000
Tổng	0	4.205.462.223

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Thuế GTGT	20.678.188	0
Thuế thu nhập cá nhân	0	3.686.800
Thuế thu nhập doanh nghiệp	826.185.610	527.035.717
Các loại thuế khác	23.347.600	26.696.900
Các khoản phí, lệ phí	328.203.600	260.996.600
Tổng	1.198.414.998	818.416.017

17. Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Lãi vay phải trả NH Phát triển Thanh Hoá	2.761.115.678	2.981.394.794
Tổng	2.761.115.678	2.981.394.794

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Tài sản thừa chờ xử lý	106.219.685	0
Kinh phí công đoàn	553.858.359	264.515.218
Bảo hiểm y tế	0	1
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.044.490.597	18.652.070.983
Tổng	17.704.568.641	18.916.586.202

20. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Vay dài hạn Ngân hàng Công Thương	700.000.000	1.500.000.000
Vay dài hạn NH Phát triển Thanh Hoá, dự án ADB	46.769.755.115	49.442.312.549
Vay dài hạn NH Phát triển Thanh Hoá, dự án WB	86.562.048.800	0
Tổng	134.031.803.915	50.942.312.549

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	186.360.455.219	1.294.776.142	3.377.840.990	0	191.033.072.351
Tăng vốn trong năm trước	2.618.417.000	0	0	0	2.618.417.000
Lãi trong năm trước	0	0	0	4.428.550.238	4.428.550.238
Tăng khác	0	430.105.000	410.000.000	0	840.105.000
Giảm khác	0	0	0	(4.428.550.238)	(4.428.550.238)
<i>Phân phối lợi nhuận</i>	0	0	0	(4.428.550.238)	(4.428.550.238)
Số dư cuối năm trước	188.978.872.219	1.724.881.142	3.787.840.990	0	194.491.594.351
Số dư đầu năm nay					
Tăng vốn trong năm nay (*)	20.587.304.600	0	0	0	20.587.304.600
Lãi trong năm nay	0	0	0	4.813.694.891	4.813.694.891
Tăng khác	0	475.000.000	343.821.000	0	818.821.000
Giảm khác	0	(60.000.000)	0	(4.813.694.891)	(4.873.694.891)
<i>Phân phối lợi nhuận</i>	0	(60.000.000)	0	(4.813.694.891)	(4.873.694.891)
Số dư cuối năm	209.566.176.819	2.139.881.142	4.131.661.990	0	215.837.719.951

(*) Tăng vốn trong năm 2012: **20.587.304.600** đồng bao gồm:

- Tăng vốn chủ sở hữu từ nguồn Lợi nhuận năm 2012 phân phối là: **3.133.500.000** đồng;
- Tăng vốn chủ sở hữu ghi đối ứng với giá trị TSCĐ xây dựng cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng, tạm ghi nhận giá trị là: **17.453.804.600** đồng (TSCĐ đầu tư từ nguồn vốn vay thuộc dự án WB).

b. Chi tiết về Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 Đồng	01/01/2012 Đồng
Vốn góp đầu năm	188.978.872.219	186.360.455.219
Vốn góp tăng trong năm	20.587.304.600	2.618.417.000
Vốn góp giảm trong năm	0	0
Vốn góp cuối năm	209.566.176.819	188.978.872.219

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2012 Đồng	01/01/2012 Đồng
Quỹ đầu tư phát triển	4.131.661.990	3.787.840.990
Quỹ dự phòng tài chính	2.139.881.142	1.724.881.142
Cộng	6.271.543.132	5.512.722.132

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2012 Đồng	Năm 2011 Đồng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (*)	120.974.530.794	112.876.549.820
Cộng	120.974.530.794	112.876.549.820

() Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2012*

	Năm 2012 Đồng
Doanh thu cung cấp nước sạch	94.265.138.462
Doanh thu xây lắp công trình (**)	14.116.060.084
Doanh thu phát triển khách hàng và tư vấn công trình	9.867.247.087
Doanh thu bán nước uống tinh khiết	527.373.546
Doanh thu phí môi trường	421.364.340
Doanh thu khác	1.777.347.275
Cộng	120.974.530.794

(**) Doanh thu xây lắp công trình là doanh thu nội bộ do Chi nhánh Xây lắp Công trình thực hiện xây dựng cơ bản hoàn thành bàn giao cho Công ty đưa vào khai thác sử dụng. Doanh thu nội bộ được ghi nhận bằng Giá vốn trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh được chấp thuận quyết toán nội bộ.

26. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2012 Đồng	Năm 2011 Đồng
Hàng bán bị trả lại	286.640.154	11.917.400
Giảm giá hàng bán	4.591.400	69.871.364
Cộng	291.231.554	81.788.764

27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 Đồng	Năm 2011 Đồng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	120.683.299.240	112.794.761.056
Cộng	120.683.299.240	112.794.761.056

28. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 Đồng	Năm 2011 Đồng
Giá vốn của hàng hóa đã bán	87.853.543.955	84.161.418.396
Cộng	87.853.543.955	84.161.418.396

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 Đồng	Năm 2011 Đồng
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	1.592.339.825	1.092.793.060
Cộng	1.592.339.825	1.092.793.060

30. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2012 Đồng	Năm 2011 Đồng
Chi phí tài chính	3.901.304.631	4.650.511.332
<i>Trong đó: - Chi phí lãi vay</i>	<i>3.236.088.733</i>	<i>4.650.511.332</i>
Cộng	3.901.304.631	4.650.511.332

31. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 Đồng	Năm 2011 Đồng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.829.484.618	5.904.733.650
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	0	0
Tổng lợi nhuận tính thuế	6.829.484.618	5.904.733.650
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	25%	25%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.707.371.110	1.476.183.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2012 mà chưa được thuyết minh rõ tại báo cáo tài chính này.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2012 (trên Bảng cân đối kế toán) và năm 2011 (trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ) được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn APEC.

6. Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục

Thanh Hoá, ngày 06 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hồ Chí Trung

KT. TÔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Cản

CHUNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 293. Quyển Số: 01. SCT/SGT
Ngày: 8 tháng 10 năm 2015.



PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Vân